

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 18/5/2020.

Về việc tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST- DS, ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Đ, sinh năm 1964; Trú tại ấp Th, xã H, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Trầm T, sinh năm 1960 và bà Trần Thị H, sinh năm 1963 (vợ ông T); Cùng trú tại ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị Đ trình bày:

Do quen biết làm ăn nhiều năm, nên trong thời gian từ ngày 01/4/2016

đến ngày 01/3/2018 vợ chồng ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H (sau đây gọi tắt là ông T, bà H) có đến Đại lý Thanh Đào của bà Lương Thị Đ (gọi tắt là bà Đ) để mua thức ăn phục vụ trang trại nuôi heo và còn nợ lại với tổng số tiền là 629.447.000 đồng. Vợ chồng ông T, bà H cam kết bán heo xong thì trả tiền cho bà Đ nhưng sau khi bán heo xong thì ông T, bà H không trả tiền cho bà Đ. Sau đó vợ chồng ông T, bà Đ tiếp tục cam kết khi nào bán được 80 công đất nông nghiệp thì thanh toán tiền cho bà Đ, đến khi vợ chồng ông T, bà Đ bán được 40 công đất và tiếp tục cố thêm 40 công đất cho người khác nhưng vẫn không thanh toán tiền cho bà Đ. Nay bà Đ yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 629.447.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 01/09/2019 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H trình bày:

Vợ chồng ông T, bà H thống nhất theo lời trình bày của bà Đ và thừa nhận trong thời gian từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/3/2018 vợ chồng ông T, bà H có đến Đại lý Thanh Đào của bà Lương Thị Đ để mua thức ăn gia súc và còn thiếu lại số tiền 629.447.000 đồng. Vợ chồng ông T, bà H đồng ý trả số nợ 629.447.000 đồng cho bà Đ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin giảm lãi.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, 03 tờ giấy xác nhận nợ của ông T, bà bà H ngày 16/10/2016, ngày 05/6/2017 và ngày 08/01/2020 (phô tô).

Bị đơn cung cấp: Bản tự khai ngày 26/3/2020 của bà Trần Thị H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lương Thị Đ với bị đơn ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa. Cụ thể nguyên đơn bà Lương Thị Đ yêu cầu bị đơn ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 629.447.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 01/9/2019 đến khi xét xử.

[2]. **Về nội dung tranh chấp:**

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Đ đối với bị đơn ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H nhận thấy:

Tại phiên tòa, vợ chồng ông T, bà H thừa nhận trong thời gian từ ngày 01/4/2016 đến ngày 01/3/2018 vợ chồng ông T, bà H có làm trang trại nuôi

heo nên có đến Đại lý của bà Đ để mua thức ăn nuôi heo và còn nợ lại số tiền là 629.447.000 đồng (sáu trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Do hoàn cảnh khó khăn, nên vợ chồng ông T, bà H xin trả dần cho bà Đ mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin giảm lãi nhưng bà Đ không đồng ý.

Xét việc vợ chồng ông T, bà H mua thức ăn gia súc tại cửa hàng của bà Đ và còn nợ lại số tiền 629.447.000 đồng từ ngày 01/3/2018 đến nay đã hơn 02 năm nhưng vẫn chưa thanh toán cho bà Đ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, việc bà Đ yêu cầu vợ chồng ông T, bà H trả tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 629.447.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền này là có căn cứ.

Xét việc vợ chồng ông T, bà H xin trả cho bà Đ số tiền 629.44 7.000 đồng, với hình thức mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, Hội đồng xét xử cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: *“Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành”*. Do đó, việc vợ chồng ông T, bà H xin trả nợ cho bà Đ với hình thức mỗi tháng 10.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi suất: Ngày 01/03/2018 vợ chồng ông T, bà H ký giấy xác nhận còn nợ bà Đ tiền mua thức ăn gia súc là 629.447.000 đồng và hẹn sau khi bán được heo sẽ thanh toán cho bà Đ, nhưng đến nay đã hơn 02 năm vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó việc bà Đ yêu cầu Tòa án tính lãi từ ngày 01/9/2019 đến khi xét xử đối với số tiền chậm trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 357 và khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất cụ thể nên lãi suất sẽ được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (không quá 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng).

Như vậy, tiền lãi của số tiền 629.447.000 đồng (từ ngày 01/9/2019 đến ngày 18/5/2020) là: $(629.447.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng) \times 08 \text{ tháng} 17 \text{ ngày} = 44.755.000 \text{ đồng}$ (bốn mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi vợ chồng ông T, bà H phải trả cho bà Đ là 674.202.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 30.968.000 đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông T, bà H xin Hội đồng xét xử xem xét giảm tiền án phí do dịch bệnh heo chết nhiều và rút giá nên chăn nuôi thua lỗ, không còn tài sản bán để nộp tiền án phí. Hoàn cảnh gia đình ông T, bà H được UBND xã An Minh Bắc xác nhận là đúng sự thật. Căn cứ Điều 13, 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho vợ chồng ông T, bà H 50% số tiền án phí phải nộp. Như vậy, tiền án phí vợ chồng ông T, bà H còn phải nộp là 15.484.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.589.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003217 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 13, 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 92, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Đ đối với bị đơn ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán hàng hóa.

2. Buộc vợ chồng ông Trần Trầm T, bà Trần Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lương Thị Đ số tiền gốc và lãi là 674.202.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông T, bà H phải chịu tiền án phí dân sự

sơ thẩm có giá ngạch là 30.968.000 đồng. Nhưng do sự kiện bất khả kháng nên vợ chồng ông T, bà H không có khả năng nộp án phí được UBND xã An Minh Bắc xác nhận. Hội đồng xét xử chấp nhận giảm cho vợ chồng ông T, bà H 50% số tiền án phí phải nộp. Như vậy, tiền án phí vợ chồng ông T, bà H còn phải nộp là 15.484.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Đ được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.589.000 đồng (mười bốn triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003217 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh

